

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN MĨ THUẬT LỚP 1,2,3 BẰNG HÌNH THỨC NHẬN XÉT

• THS. BẠCH NGỌC DIỆP

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Môn Mĩ thuật ở trường tiểu học không nhằm đào tạo HS trở thành họa sĩ, mà nhằm giúp HS hình thành cảm xúc về cái đẹp để bồi dưỡng tình cảm thẩm mĩ lành mạnh, biết vận dụng những hiểu biết về cái đẹp vào học tập, sinh hoạt làm đẹp môi trường, cộng đồng và bản thân. Vì vậy, yêu cầu của môn học không quá chú ý đến kĩ năng thể hiện, việc các em vẽ đẹp hay chưa thật đẹp đều có thể chấp nhận được, miễn sao các em thấy thích thú với môn học, chủ động tham gia vào những hoạt động học tập và có ý thức trong cuộc sống.

1. Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật bằng hình thức nhận xét

1.1 Quan điểm đánh giá môn Mĩ thuật

- Đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật ở tiểu học phải nhằm mục đích:

+ Khởi dạy tiềm năng của HS đối với môn học;

+ Đánh giá trên tinh thần động viên khích lệ để duy trì hứng thú học tập của HS;

+ Giúp HS nhận thấy kết quả học tập ở các mức độ, từ đó rút kinh nghiệm cho bài học sau;

+ Giúp GV điều chỉnh phương pháp dạy cho phù hợp với đối tượng HS;

+ Khuyến khích HS mạnh dạn bày tỏ ý kiến riêng về kết quả bài vẽ;

+ Giảm áp lực về điểm số;

+ Hình thành kĩ năng đánh giá cho HS;

- Kết quả học tập môn Mĩ thuật được đánh giá bằng các biểu hiện:

+ Nhận thức về cái đẹp của HS trước cảnh quan môi trường, thiên nhiên, cuộc sống; biểu hiện thái độ yêu, ghét rõ ràng trước cái xấu và cái tốt; có ý thức bảo vệ và giữ gìn cảnh quan môi trường xung quanh, thực hiện nếp sinh hoạt ngăn nắp gọn gàng, yêu thích và giữ gìn, bảo vệ cái đẹp... mong muốn tạo ra cái đẹp.

+ Hành vi tạo ra cái đẹp phục vụ cuộc sống, sinh hoạt học tập của HS và cộng đồng.

+ Bài vẽ của HS, cụ thể: đẹp, chưa đẹp. Tuy nhiên, bài vẽ của HS vẽ đẹp hay chưa đẹp còn phụ thuộc vào cách dạy của GV: dạy hấp dẫn, khơi gợi sự hứng thú, tự tin, động viên được HS tự suy nghĩ, tìm tòi... để vẽ theo cảm hứng hay

dạy theo lối mòn, bài bản, cứng nhắc... dẫn đến sự đơn điệu, nhàm chán.

- Đánh giá dựa trên hai mức độ: Hoàn thành và chưa hoàn thành

+ Hoàn thành: Đạt được mục tiêu bài học, trong đó có hoàn thành tốt và hoàn thành (Hoàn thành tốt: bài vẽ đạt mục tiêu, có sáng tạo; hoàn thành: đạt được mục tiêu chính của bài học).

+ Chưa hoàn thành: Chưa đạt được mục tiêu bài học.

- Hình thức đánh giá:

Hình thức đánh giá là nhận xét.

Nhận xét được dựa trên các biểu hiện của chứng cứ. Chứng cứ được xây dựng dựa vào đặc thù của phân môn và yêu cầu cơ bản của bài học, bao gồm: những hiểu biết của HS về kiến thức cơ bản của bài học và kĩ năng hoàn thành được bài tập theo yêu cầu.

1.2. Số chứng cứ và các biểu hiện của chứng cứ

Số chứng cứ của các lớp được qui định như sau:

- Lớp 1 và 2 gồm 8 nhận xét.

- Lớp 3 gồm 10 nhận xét.

Mỗi nhận xét chủ yếu dựa vào các biểu hiện của 3 chứng cứ:

- Mô tả, nhận biết đối tượng.

- Biết cách làm, biết cách chọn và sắp xếp các hình ảnh, màu sắc... trong bố cục để rõ nội dung.

- Vẽ được hình, chọn được màu và hoàn chỉnh bài theo yêu cầu.

Những chứng cứ trên thuộc về kiến thức và kĩ năng. Chưa có chứng cứ cho nhận xét về thái độ và khả năng vận dụng hiểu biết thẩm mĩ phục vụ sinh hoạt học tập. Trong văn bản hướng dẫn cũng chưa đề cập đến nội dung này.

2. Điều tra thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Mĩ thuật

Điều tra thực trạng được tiến hành 23 tỉnh thành trong toàn quốc về việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét, cho các nội dung: thời gian, cách thức thu thập chứng cứ; hình thức tổ chức đánh giá, những thuận lợi, khó khăn, ý kiến của GV về đánh giá bằng nhận xét. Có 512 GV tham gia



trả lời phiếu hỏi, kết quả thu được như sau:

2.1. Về thu thập chứng cứ

Trên thực tế, GV tiểu học đã thực hiện thu thập chứng cứ phục vụ cho đánh giá học tập môn Mĩ thuật theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Việc thu thập chứng cứ được GV tiến hành như sau (xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới):

- Đánh giá thông qua sản phẩm học tập của HS;
- Quan sát việc học tập của HS ở trong lớp;
- Kiểm tra thực hành;
- Kiểm tra viết, kiểm tra miệng, vấn đáp nhanh;
- Tổ chức trò chơi tạo tình huống cho HS tham gia; Mức độ HS tham gia vào bài học;
- Đánh giá qua việc HS vận dụng nội dung đã học vào cuộc sống.

Qua phân tích cho thấy, hiện nay GV tiến hành thu thập chứng cứ cho các nhận xét chủ yếu dựa vào sản phẩm của HS và quan sát việc học trên lớp của HS. Hoạt động Tổ chức trò chơi tạo tình huống cho HS tham gia và Đánh giá qua việc HS vận dụng nội dung đã học vào cuộc sống vốn rất quan trọng đối với môn Mĩ thuật thì không được chú ý hoặc xem nhẹ những chứng cứ ở các hoạt động này. Điều này chứng tỏ GV chưa hiểu rõ đặc trưng của đánh giá nhận xét ở môn học và chưa có những hoạt động tìm hiểu để tạo nguồn chứng cứ cho nhận xét đánh giá.

2.2. Về chứng cứ

Số chứng cứ trong một nhận xét là hợp lí, phù hợp với nội dung bài học. Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào các chứng cứ (3 chứng cứ trong một nhận xét) có trong bài học để thực hiện đánh giá HS, thì sẽ bỏ lỡ nhiều cơ hội khác để thu thập chứng cứ. Bởi những nội dung chứng cứ này chỉ thể hiện kiến thức, kĩ năng đơn giản của bài học, còn rất nhiều cách thu thập chứng cứ để hoàn thiện đánh giá HS như thông qua thái độ, khả năng vận dụng thực hành thì chưa được đề cập đến (ví dụ: HS tự biết trang trí một chiếc túi xách, trang trí góc học tập, làm đẹp vườn trường...). Những chứng cứ này rất cần để xây dựng ngân hàng nhận xét đánh giá.

2.3. Thời điểm thu thập chứng cứ

Phần lớn GV thu thập chứng cứ ở thời điểm tổ chức cho HS trình bày sản phẩm hoặc luyện tập thực hành. Bên cạnh đó, còn một số GV tiến hành thu thập trong quá trình học bài mới hoặc các tiết kiểm tra. Đặc biệt, rất ít GV (15.6 %) thu thập chứng cứ ở ngoài giờ học.

Thời gian thu thập chứng cứ của GV chủ yếu ở trên lớp, cuối buổi học hoặc trong quá trình

HS làm bài thực hành. Như vậy, GV đã bỏ qua cơ hội thu thập chứng cứ tại thời điểm mà HS dễ bộc lộ nhất là ngoài giờ học trên lớp.

2.4. Hình thức ghi chép trung gian để đánh giá nhận xét

Đối với môn Mĩ thuật, GV chủ yếu dùng kí hiệu để ghi các đánh giá nhận xét, ghi lại những hành vi thái độ của HS trong quá trình học tập. Rất ít GV có sổ theo dõi riêng. Việc thiết kế mẫu phiếu ghi nhận biểu hiện chứng cứ hầu như không có.

GV đã sử dụng đúng hình thức ghi kí hiệu theo qui định để đánh giá nhận xét. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hầu hết GV còn máy móc, không tập trung suy nghĩ để tìm hiểu những cách thức ghi chứng cứ khác. Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức của GV về môn học cũng như tầm quan trọng của việc ghi chứng cứ để thực hiện đánh giá nhận xét. Cũng không ngoại trừ quan niệm của các cấp quản lí, nhà trường, gia đình và cộng đồng về môn học (Mĩ thuật là môn phụ, môn học ít giờ...) đã ảnh hưởng tới tâm lí của GV.

2.5. Mức độ thực hiện các công việc

Những số liệu cho thấy hầu hết GV đã ý thức được sự cần thiết phải nghiên cứu rõ mục tiêu và nội dung chủ yếu của bài học (97,8%), ghi nhớ các chứng cứ của nhận xét có liên quan đến bài học (89.1%), quan sát HS trong suốt tiết học theo kế hoạch đã lập (93,7%)... để phục vụ đánh giá. Đồng thời, bảng số liệu cũng cho biết còn khá nhiều GV (41,3%) cho điểm số sau đó cuối học kì, cuối năm học chuyển đổi thành A, A+, B. Theo phân tích, nguyên nhân là do thói quen cho điểm số còn "ăn sâu" vào GV nên họ chưa thể chuyển đổi được ngay. Cũng rất có thể bản thân GV đã nhận thấy những hạn chế của cách đánh giá bằng nhận xét (còn chung chung, chưa thoả mãn tâm lí HS), nên vẫn thực hiện cho điểm sau đó cuối kì thực hiện chuyển đổi thành định tính.

2.6. Về việc đảm bảo cho tất cả HS trong lớp có đủ số nhận xét

Hình thức chủ yếu được GV thực hiện là thực hiện đánh giá trong tất cả các tiết học, chủ động quan sát trong tiết học và cho cả lớp làm bài tập. Trao đổi trực tiếp với GV, được biết GV có tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau song không thường xuyên liên tục. Như vậy có thể thấy một bộ phận GV chưa vận dụng những chứng cứ do HS tìm được làm cơ sở nhận xét đánh giá, chưa kết hợp đánh giá với tự đánh giá của HS để đảm bảo số chứng cứ khách quan trong đánh giá.

2.7. Về mức độ HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau

Sau một thời gian thực hiện đánh giá bằng nhận xét, HS đã có sự chuyển biến tích cực: mạnh dạn hơn, chủ động và thẳng thắn hơn. Tuy nhiên, mức độ này chưa thực sự cao. Qua tìm hiểu, được biết có tới 90,2% GV, nhà trường chưa phổ biến tới HS về hình thức đánh giá mới cũng như tác dụng và cách thức thu thập chứng cứ để nhận được sự hợp tác của HS.

2.8. Về mức độ đạt được trong việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét

Thực tế cho thấy tỉ lệ GV thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu còn rất thấp (3,4%). Số GV còn lúng túng cần được bồi dưỡng thêm là khá cao (50,2%). Nguyên nhân là do:

* Môn Mĩ thuật chỉ có 1 tiết/ tuần, thời gian để tiếp xúc HS không nhiều làm giảm cơ hội tìm chứng cứ nhận xét.

* Các hoạt động ngoại khoá ít được tổ chức, nội dung hoạt động chưa thể hiện rõ đặc trưng môn Mĩ thuật nên giảm cơ hội để HS vận dụng kiến thức vào thực tế, vì vậy GV ít có điều kiện thu thập chứng cứ từ thực tế.

* Môn Thường thức mĩ thuật chỉ có 2 tiết trong một học kì, rất khó để GV tích đủ các chứng cứ cho tất cả HS trong lớp học.

* Chưa có những hướng dẫn cụ thể về cách thu thập chứng cứ theo đặc thù bộ môn Mĩ thuật.

* GV chưa nhận được sự ủng hộ của HS, phụ huynh HS và cộng đồng để thu thập chứng cứ phục vụ nhận xét.

* Chưa có hướng dẫn thu thập chứng cứ theo vùng miền, hiện nay hướng dẫn còn chung chung, nên khó khăn cho GV trong thực hiện.

* Không phải GV nào cũng am hiểu tâm sinh lí lứa tuổi, đặc điểm ngôn ngữ tạo hình của HS tiểu học nên không tránh khỏi những nhận xét chưa xác đáng với trẻ, làm trẻ chưa thoải mái, chưa khâm phục.

2.9. Số theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học sinh

Nội dung, cách sắp xếp các nhận xét và cách đánh giá kết quả môn học được xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 3. Mỗi học kì có 4 nhận xét, cả năm có 8 nhận xét. Cụ thể:

- Nhận xét 1 và 5 tương ứng với môn Thường thức mĩ thuật;
- Nhận xét 2 và 6 tương ứng với môn Vẽ theo mẫu;
- Nhận xét 3 và 7 tương ứng với môn Vẽ trang trí;
- Nhận xét 4 và 8 tương ứng với môn Vẽ tranh.

Ở lớp 3, mỗi học kì có thêm nhận xét 5 đề cập đến tính sáng tạo và cảm xúc trong bài vẽ. Vì vậy lớp 3 tổng cộng có 10 nhận xét.

Qui định xếp loại học lực môn Mĩ thuật lớp 1

| Xếp loại học lực | Học kì 1 | Học kì 2 (cả năm) |
|---------------------|--------------|-------------------|
| Hoàn thành tốt (A+) | 4 nhận xét | 8 nhận xét |
| Hoàn thành (A) | 2-3 nhận xét | 4-7 nhận xét |
| Chưa hoàn thành (B) | 0-1 nhận xét | 0-3 nhận xét |

và 2 như sau:

| Xếp loại học lực | Học kì 1 | Học kì 2 (cả năm) |
|---------------------|--------------|-------------------|
| Hoàn thành tốt (A+) | 5 nhận xét | 10 nhận xét |
| Hoàn thành (A) | 3-4 nhận xét | 5-9 nhận xét |
| Chưa hoàn thành (B) | 0-2 nhận xét | 0-4 nhận xét |

Qui định xếp loại học lực môn Mĩ thuật lớp 3:

Bảng xếp học lực cho thấy để đạt được mức Hoàn thành tốt (A+) HS phải có đủ 4 nhận xét ở từng môn học. Trong khi đó 4 môn học có những đòi hỏi riêng biệt, đối với HS đại trà chỉ có thể hoàn thành tốt 3 trong 4 môn, vì vậy việc đòi hỏi HS có đủ số nhận xét trong cả 4 môn học là cao so với thực tế (HS có thể vẽ tranh đề tài rất đẹp, nhưng chưa chắc vẽ theo mẫu cũng đẹp như vẽ tranh). Ở lớp 3, qui định 5 nhận xét cho mỗi học kì (10 nhận xét cho cả năm). Số nhận xét này cũng cần xem xét lại, vì yêu cầu như vậy là cao so với HS lớp 3.

3. Những ưu điểm và hạn chế của đánh giá bằng nhận xét

3.1. Ưu điểm

Kết quả bài học Mĩ thuật phụ thuộc vào yếu tố tâm lí, khả năng và cảm nhận của mỗi người. Mĩ thuật còn là môn nghệ thuật vì vậy không thể cân đong đo đếm kết quả một cách chính xác như các môn học khác. Việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét là phù hợp. Tỉ lệ mức độ phù hợp được phản ánh trong nhận xét của tất cả các GV có các trình độ khác nhau. Số đông GV đều nhất trí đánh giá bằng nhận xét có ưu điểm:

- * Học tập không mang tính cạnh tranh
- * Phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi:
- HS tiểu học thích được khen, động viên khích lệ. Giờ học thoải mái không gò bó, không gây áp lực về điểm số cho HS.
- Đối với HS yếu kém: tránh cho trẻ tâm lí



mặc cảm tự ti, xấu hổ.

* Không làm tổn thương đến trẻ (nếu cho điểm trẻ sẽ thấy buồn rầu vì điểm thấp, thua kém bạn bè).

* Cảm nhận của GV và HS về những môn học này rất khác nhau (đặc biệt là môn nghệ thuật) nên việc đánh giá không thể chính xác để cho điểm số.

* HS chưa hoàn thành bài có điều kiện được nhận xét và hoàn thành tiếp sau.

* Phù hợp với chuẩn kiến thức kĩ năng cấp học, HS nào cũng được đánh giá ở mức độ hoàn thành (HS tiểu học chỉ cần mức độ hoàn thành nội dung học tập).

* Những HS kém năng khiếu không bị mất hứng thú học tập. Mĩ thuật là môn học nghệ thuật, cảm nhận của mỗi người rất khác nhau nên đánh giá bằng nhận xét là phù hợp.

3.2. Hạn chế

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét có hạn chế sau:

* Mức công bằng chưa cao, chưa phân loại được rõ ràng, chưa có sự chênh lệch giữa các mức độ: khá, giỏi, trung bình, còn mang tính chung chung.

* Chưa khuyến khích được HS giỏi, HS giỏi chưa thoả mãn, còn thấy bị thiệt thòi (sản phẩm làm đẹp cũng như sản phẩm đạt mức trung bình, cũng được đánh giá ở mức độ hoàn thành. Bài vẽ đẹp, có cảm xúc cũng như bài vẽ ở mức khá cũng được đánh giá hoàn thành tốt như nhau...). Chưa sát với học lực của HS.

* GV còn lúng túng trong cách đánh giá. Vì vậy GV có thể đánh giá theo cảm tính.

* Đánh giá bằng nhận xét dựa trên các chứng cứ ít có sức thuyết phục với HS, nhất là đối với HS khá - giỏi, các em thích thang điểm cụ thể để dễ dàng so sánh bài mình với bài bạn.

* Phụ huynh HS chưa nắm bắt được cách đánh giá này để theo dõi kèm cặp con em mình (nếu là điểm số sẽ dễ hơn).

- Phụ huynh chưa phân định được rõ ràng mức độ học lực của con em mình.

- Phụ huynh cần được hiểu rõ lực học của con em mình để có biện pháp phù hợp, vấn đề này đánh giá bằng nhận xét chưa làm được.

- Nhìn chung, HS đều đạt mức độ "hoàn thành" nên phụ huynh thường có tâm lí: chắc chắn con em họ vẫn đạt yêu cầu bộ môn (6 môn đánh giá bằng nhận xét), vì vậy ít chú ý tới những môn học này, dành nhiều sự quan tâm đến những môn học cho điểm số.

* Đối với GV (không chuyên) dạy các môn nghệ thuật phải giải thích về các mức độ khác nhau trong đánh giá bài tập là rất khó.

* Do đặc thù bộ môn, những yêu cầu nhận xét đánh giá đối với môn Mĩ thuật (ở HKI và HKII) để đạt được mức A+ ở cuối năm là cao so với đối tượng HS lớp 1,2,3.

* Thu thập chứng cứ không chỉ dựa vào thời gian học tập ở trên lớp, mà còn dựa vào thời gian sinh hoạt với gia đình và cộng đồng... vì vậy GV gặp nhiều khó khăn trong thu thập chứng cứ.

II. Đề xuất kiến nghị về đánh giá kết quả học tập bằng hình thức nhận xét môn Mĩ thuật

1. Hình thức đánh giá môn học

Nhìn chung, hình thức đánh giá bằng nhận xét là phù hợp với đặc thù môn Mĩ thuật. Cần xây dựng ngân hàng chứng cứ cho nhận xét đánh giá ở cả ba nội dung: kiến thức, kĩ năng, thái độ. Mĩ thuật là môn học nghệ thuật luôn đòi hỏi một tâm trạng thoải mái, hưng phấn. Việc đánh giá bằng nhận xét sẽ tránh được gánh nặng điểm số cho HS, không gây áp lực nặng nề, HS sẽ cảm thấy nhẹ nhàng. Đánh giá bằng nhận xét sẽ tránh được những điểm số chưa chính xác mà GV áp đặt cho HS (bởi không phải GV nào cũng có thể hiểu đúng ngôn ngữ tạo hình của HS lứa tuổi tiểu học, việc chấm điểm chưa chính xác sẽ không tránh khỏi, dễ làm trẻ chán nản mất hứng thú học tập. Đánh giá bằng nhận xét sẽ tránh được nhược điểm này).

2. Điều kiện thực hiện đánh giá bằng nhận xét

Về chứng cứ:

Điều chỉnh văn bản về các chứng cứ nhận xét cho phù hợp với đối tượng và số lượng bài dạy trong năm học. Cụ thể:

+ Cần điều chỉnh cách thu thập chứng cứ ở môn Thường thức mĩ thuật, có thể bổ sung cơ hội tìm chứng cứ ở môn Tập nặn tạo dáng (vì một học kì chỉ có 2 bài Thường thức Mĩ thuật nên không đủ thời lượng để GV hoàn tất chứng cứ)

+ Nhận xét 5 đối với HS lớp 3 là cao.

+ HS khó có thể học toàn diện các môn trong chương trình mĩ thuật, việc đòi hỏi đủ số nhận xét mới đạt A+ là cao so với HS. Cần giảm bớt số nhận xét trong học kì. Những đòi hỏi này không phù hợp với đặc trưng môn học vốn còn phụ thuộc vào năng khiếu và điều kiện học tập.

+ Ví dụ (hướng điều chỉnh giảm nhận xét):

* Lớp 3, để được mức hoàn thành tốt (A+) chỉ đạt 4 đến 5 nhận xét là đủ. Cả năm đạt từ 8

đến 10 nhận xét là đủ.

Mức hoàn thành (A) chỉ đạt 3 nhận xét HKI là đủ. HKII đạt từ 3 đến 4 nhận xét. Cả năm đạt từ 6 đến 7 nhận xét là đủ.

Mức chưa hoàn thành (B) chỉ đạt 2 nhận xét HKI là đủ. HKII đạt từ 2 đến 3 nhận xét là đủ. Cả năm đạt từ 4 đến 5 nhận xét là đủ.

Nhận xét 5 nên bỏ ý *có trên một nửa số bài có sáng tạo chỉ để ý bài vẽ có sáng tạo*. Nhận xét 9 không nên qui định rõ ràng về được tranh có từ 3- 4 hình ảnh trở lên.

* Lớp 2, nên bỏ những yêu cầu tỉ lệ ở nhận xét 2; nhận xét 6 hoàn chỉnh hình và hình vẽ gần giống mẫu về hình dáng tỉ lệ nên giảm và thay bằng hình vẽ có đặc điểm của mẫu.

* Lớp 1, bỏ ý *cân đối* ở nhận xét 8.

+ Cần tập huấn về kĩ thuật đánh giá bằng nhận xét cho GV.

+ Phổ biến phương pháp đánh giá bằng nhận xét tới cộng đồng, phụ huynh HS.

+ Xây dựng sổ theo dõi môn học trong đó có ngân hàng nhận xét để GV tiện vận dụng cho từng trường hợp đánh giá. Lưu ý hướng xây dựng ngân hàng chứng cứ phân loại mức độ để tránh tình trạng đánh giá chung chung như hiện nay.

+ Cần có hướng dẫn đánh giá cụ thể cho vùng miền.

Ví dụ: Khi đề cập đến thu thập chứng cứ cho nhận xét thái độ, chứng cứ của HS khu vực thành phố cần khác với chứng cứ của HS khu vực nông thôn. (Dựa vào điều kiện học tập, sinh hoạt của HS để xây dựng nội dung chứng cứ cho phù hợp).

+ Tạo nhiều hoạt động ngoại khóa có liên quan đến nội dung môn học để HS có cơ hội trải nghiệm kiến thức kĩ thuật, làm cơ sở cho GV xây dựng ngân hàng nhận xét (Ví dụ: Hoạt động cắm trại, tham gia trang trí trường lớp, tham gia giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường xung quanh, xây dựng trường học thân thiện, chăm sóc vườn hoa...)

+ Cần phối hợp giữa các môn học Đạo đức, Tự nhiên xã hội và Mĩ thuật để thực hiện đánh giá.

+ Cần có sự phối hợp của cộng đồng, cha mẹ HS, HS cùng xây dựng chứng cứ để phục vụ nhận xét đánh giá.

Về giáo viên:

Giáo viên cần được học tập để thông suốt tư tưởng về ý nghĩa tác dụng của việc đánh giá bằng nhận xét đối với HS đầu cấp.

+ Được tập huấn về phương pháp đánh giá

+ Có tài liệu hướng dẫn cụ thể theo chuyên môn;

+ Cần phổ biến ý nghĩa, tác dụng của đánh giá bằng nhận xét tới phụ huynh HS, HS và cộng đồng;

+ Cần sự hỗ trợ của các lực lượng nêu trên cùng thu thập chứng cứ;

+ Cần có GV chuyên trách môn học;

+ Ban giám hiệu, tổng phụ trách cùng tham gia hỗ trợ giám sát hoạt động đánh giá bằng nhận xét;

Cán bộ quản lí:

+ Cán bộ quản lí cần được học tập để có nhận thức đúng đắn về môn học và hình thức đánh giá.

+ Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét để có những điều chỉnh kịp thời về nội dung, thời gian, cách thức thu thập chứng cứ... cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đảm bảo kế hoạch.

+ Lập kế hoạch hoạt động ngoại khóa cũng như đề ra các yêu cầu để GV chủ động quan sát, thu thập chứng cứ phục vụ nhận xét đánh giá.

+ Tổ chức cho các tổ trưởng bộ môn: Mĩ thuật, Hát nhạc, Đạo đức, Tự nhiên Xã hội, hoạt động ngoài giờ lên lớp... họp và thống nhất các nội dung để có thể "liên kết" thống nhất nội dung và cách thu thập chứng cứ phục vụ đánh giá.

+ Có kế hoạch phối hợp với các cơ quan đoàn thể, chính quyền địa phương, phụ huynh HS... để công tác thu thập chứng cứ được thường xuyên liên tục, giúp đánh giá HS được toàn diện, ở mọi nơi mọi lúc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Thực trạng của việc đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học bằng hình thức nhận xét và đề xuất, kiến nghị*, Đề tài B2006 - 37 - 14. Chủ nhiệm PGS. TS. Nguyễn Tuyết Nga.
2. *Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh*, Sở Giáo dục và đào tạo Hà Nội.
3. *Vấn bản hướng dẫn về việc thực hiện đánh giá bằng nhận xét ở một số môn học*, Vụ Tiểu học, Bộ GD-ĐT.
4. *Nghệ thuật*, Sách giáo viên (phần kĩ thuật) lớp 1.2.3, NXB Giáo dục 2002, 2003, 2004.

SUMMARY

This article presents the status of assessment in Grade 1, 2, 3 Arts by using comments. The author analyzes the pros and cons of this type of assessment and proposes some recommendations for improving effectiveness of the Arts' assessment.